



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sắc xanh quay trở lại

ASEANSC Research | 22-06-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index diễn biến rung lắc

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu

1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

➤ **VN-Index ghi nhận sắc xanh quay trở lại sau đợt điều chỉnh trước đó. Chỉ số kết tuần quanh mức 1.824,53 điểm, tăng 1,84% so với thứ Sáu liền trước.** Dòng tiền tập trung chủ yếu tại các nhóm Chứng khoán, Bất động sản và Bán lẻ. Ngược lại áp lực bán thuộc về nhóm Dầu khí và Công nghệ.

➤ **Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục biến động rung lắc trong thời gian tới.** Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)

➤ **Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ.** Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index diễn biến rung lắc



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (ii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 22/06/2026 – 26/06/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ)	Tỷ lệ Margin đề xuất
VCB	Ngân hàng	60 – 61	64 +/-	Thấp (10% - 30%)
CTG	Ngân hàng	32 – 33	35 +/-	
ACB	Ngân hàng	21 – 22	24 +/-	
HDB	Ngân hàng	24 – 25	27 +/-	
MBB	Ngân hàng	23 – 24	26 +/-	
HCM	Chứng khoán	27 – 28	30 +/-	

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%



2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

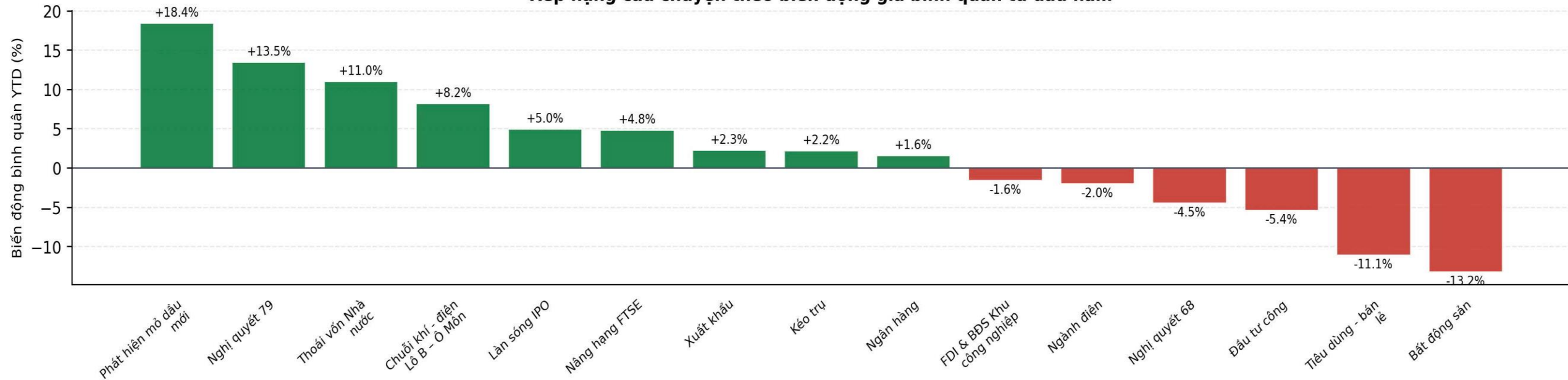
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 15/06/2026 – 19/06/2026

Cổ phiếu	Ngành	Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ)	Biến động trong tuần
VCB	Ngân hàng	60 – 61	0,16%
CTG	Ngân hàng	32 – 33	1,05%
ACB	Ngân hàng	25 – 26	N/A
HDB	Ngân hàng	24 – 25	N/A
TPB	Ngân hàng	15 – 16	N/A
VIB	Ngân hàng	15 – 16	N/A

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Xếp hạng câu chuyện theo biến động giá bình quân từ đầu năm



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(13)	(21)	(34)	7%	5%	12.939	29,6	1,8
VNM	(169)	(49)	(217)	28%	1%	20.900	12,0	3,4
BVH	3	15	18	18%	20%	7.423	11,0	1,9
POW	302	53	355	10%	29%	30.678	12,5	0,9
VGC	35	16	51	14%	12%	4.484	14,5	1,6
GAS	(338)	35	(304)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
BSR	(140)	(276)	(416)	21%	192%	50.073	10,8	2,0

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(1.394)	(1.330)	(2.724)	27%	20%	17.035	12,9	3,1
HDB	288	(207)	81	24%	28%	50.053	7,1	1,5
GMD	26	85	111	16%	44%	4.265	18,0	2,1
DGW	50	68	118	19%	1640%	2.213	13,3	2,3
PNJ	73	83	156	28%	31%	5.119	5,8	1,5
REE	(19)	(0)	(19)	13%	15%	5.417	24,2	1,1
VPB	1.050	(416)	633	16%	35%	79.339	7,8	1,1
ACB	(959)	(44)	(1.002)	17%	14%	51.367	8,4	1,4
TCB	37	(615)	(577)	15%	10%	70.862	8,5	1,2
MWG	(391)	250	(141)	25%	525%	14.697	13,7	3,1

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(13)	(21)	(34)	7%	5%	12.939	29,6	1,8
OIL	(66)	(3)	(69)	9%	-10%	2.014	16,3	1,2
GAS	(338)	35	(304)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
PVS	94	62	156	13%	31%	5.114	10,3	1,2
PVD	133	57	190	7%	-224%	5.563	14,1	1,0
BSR	(140)	(276)	(416)	21%	192%	50.073	10,8	2,0

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
PLX	(13)	(21)	(34)	7%	5%	12.939	29,6	1,8
GVR	66	(0)	65	12%	7%	40.000	21,4	2,2
BVH	3	15	18	18%	20%	7.423	11,0	1,9
POW	302	53	355	10%	29%	30.678	12,5	0,9
BID	234	23	257	18%	31%	72.801	9,3	1,5
GAS	(338)	35	(304)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
BSR	(140)	(276)	(416)	21%	192%	50.073	10,8	2,0
VCB	1.046	(416)	631	16%	13%	83.557	14,3	2,2
CTG	646	(295)	351	22%	25%	77.669	6,8	1,4

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VNM	(169)	(49)	(217)	28%	1%	20.900	12,0	3,4
DGW	50	68	118	19%	1640%	2.213	13,3	2,3
PNJ	73	83	156	28%	31%	5.119	5,8	1,5
MSN	(199)	(1)	(200)	18%	18%	14.459	20,7	2,2
FRT	47	144	191	27%	-69%	1.703	25,9	4,0
MWG	(391)	250	(141)	25%	525%	14.697	13,7	3,1

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
IDC	45	(53)	(8)	28%	70%	3.795	8,9	1,9
BCM	3	7	11	15%	26%	10.350	16,0	2,4
KBC	46	(45)	1	6%	112%	9.418	17,5	1,0
VGC	35	16	51	14%	12%	4.484	14,5	1,6
PHR	92	(16)	76	17%	7%	1.355	12,4	1,9
SZC	(12)	1	(11)	7%	6%	1.800	18,0	1,3

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
STB	1.131	(247)	884	8%	23%	18.852	28,9	2,2
HDB	288	(207)	81	24%	28%	50.053	7,1	1,5
BID	234	23	257	18%	31%	72.801	9,3	1,5
VPB	1.050	(416)	633	16%	35%	79.339	7,8	1,1
MBB	609	(216)	393	21%	20%	80.550	7,2	1,3
ACB	(959)	(44)	(1.002)	17%	14%	51.367	8,4	1,4
VCB	1.046	(416)	631	16%	13%	83.557	14,3	2,2
TCB	37	(615)	(577)	15%	10%	70.862	8,5	1,2
CTG	646	(295)	351	22%	25%	77.669	6,8	1,4

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
HPG	(1.245)	293	(952)	16%	3%	76.755	8,4	1,3
CTD	68	14	82	9%	169%	1.140	9,0	0,8
HHV	(1)	(7)	(8)	6%	24%	5.472	9,3	0,4
VCG	88	(4)	84	36%	112%	6.465	3,0	1,0
BMP	42	0	42	42%	73%	819	8,9	3,5

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	302	53	355	10%	29%	30.678	12,5	0,9
NT2	48	(2)	46	25%	300%	2.879	5,6	1,3
TV2	7	(0)	7	6%	211%	3.583	11,5	0,7
GEG	(19)	(0)	(19)	13%	15%	5.417	24,2	1,1
REE	316	36	352	17%	38%	4.113	6,9	0,9
PC1	302	53	355	10%	29%	30.678	12,5	0,9

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
POW	302	53	355	10%	29%	30.678	12,5	0,9
GAS	(338)	35	(304)	17%	12%	24.129	17,7	2,9
PVS	94	62	156	13%	31%	5.114	10,3	1,2
PVD	133	57	190	7%	-224%	5.563	14,1	1,0

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCB	1.046	(416)	631	16%	13%	83.557	14,3	2,2
FPT	(1.394)	(1.330)	(2.724)	27%	20%	17.035	12,9	3,1
VNM	(169)	(49)	(217)	28%	1%	20.900	12,0	3,4
HPG	(1.245)	293	(952)	16%	3%	76.755	8,4	1,3
BID	234	23	257	18%	31%	72.801	9,3	1,5
TCB	37	(615)	(577)	15%	10%	70.862	8,5	1,2
CTG	646	(295)	351	22%	25%	77.669	6,8	1,4
VHM	1.641	(1.551)	89	26%	5%	41.074	8,9	2,1

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
FPT	(1.394)	(1.330)	(2.724)	27%	20%	17.035	12,9	3,1
VNM	(169)	(49)	(217)	28%	1%	20.900	12,0	3,4
HPG	(1.245)	293	(952)	16%	3%	76.755	8,4	1,3
VPB	1.050	(416)	633	16%	35%	79.339	7,8	1,1
MBB	609	(216)	393	21%	20%	80.550	7,2	1,3
VCB	1.046	(416)	631	16%	13%	83.557	14,3	2,2
TCB	37	(615)	(577)	15%	10%	70.862	8,5	1,2
VHM	1.641	(1.551)	89	26%	5%	41.074	8,9	2,1
SSI	933	58	991	14%	17%	24.931	12,4	1,4

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
NLG	83	74	157	6%	-2%	4.851	16,5	0,7
PDR	(91)	(2)	(93)	5%	-9%	9.978	24,5	1,2
KDH	100	(74)	26	9%	17%	11.222	21,3	1,2
VHM	1.641	(1.551)	89	26%	5%	41.074	8,9	2,1
TCH	37	(113)	(75)	2%	13%	9.121	64,2	0,9

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá	
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB
VCK	470	156	626	19%	76%	24.349	19,6	2,7
TCX	124	94	219	14%	21%	23.116	15,1	1,9
VCI	244	(10)	234	9%	12%	11.476	17,9	1,4
MBS	173	20	194	15%	20%	6.673	10,3	1,4
VND	54	6	60	11%	5%	15.223	11,9	1,2
VIX	(18)	9	(9)	26%	209%	24.503	10,0	1,3
SHS	828	(3)	824	11%	68%	8.995	13,0	1,3
HCM	267	(6)	261	10%	5%	10.808	21,7	1,9
SSI	933	58	991	14%	17%	24.931	12,4	1,4

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

STT	Mã CP	Sàn GD	Lợi tức dự kiến (*)	Cổ tức 2024 (đã trả)	Giá CP	KLGD 1 phiên	Quy mô LNTT 2025	Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY)
1	VEA	UPCOM	13%	47%	35.500	984.500	7.599	0%
2	SCS	HOSE	11%	60%	53.600	285.500	940	20%
3	SAB	HOSE	10%	50%	48.750	1.886.100	5.652	0%
4	QTP	UPCOM	10%	12%	12.600	412.000	1.351	96%
5	MSH	HOSE	9%	35%	37.700	1.345.600	818	50%
6	TNG	HNX	9%	20%	21.200	4.323.500	484	24%
7	CHP	HOSE	8%	22%	27.150	16.500	487	47%
8	DPM	HOSE	6%	15%	24.700	6.412.400	1.353	102%
9	VNM	HOSE	6%	44%	69.100	6.695.900	11.650	0%

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
VCB	1.046	(416)	631	16%	13%	83.557	14,3	2,2	61.700	57.100	8%	Nâng hạng FTSE
BID	234	23	257	18%	31%	72.801	9,3	1,5	41.800	38.450	9%	Nghị quyết 79
CTG	646	(295)	351	22%	25%	77.669	6,8	1,4	33.750	35.500	-5%	Nghị quyết 79
TCB	37	(615)	(577)	15%	10%	70.862	8,5	1,2	30.950	34.230	-10%	Nghị quyết 68
VPB	1.050	(416)	633	16%	35%	79.339	7,8	1,1	25.900	27.413	-6%	Nghị quyết 68
HDB	288	(207)	81	24%	28%	50.053	7,1	1,5	25.150	28.950	-13%	Nghị quyết 68
TCX	124	94	219	14%	21%	23.116	15,1	1,9	42.950	37.758	14%	Làn sóng IPO
VCI	244	(10)	234	9%	12%	11.476	17,9	1,4	24.600	24.617	0%	Nâng hạng FTSE

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
FPT	(1.394)	(1.330)	(2.724)	27%	20%	17.035	12,9	3,1	71.500	93.709	-24%	Nghị quyết 68
HPG	(1.245)	293	(952)	16%	3%	76.755	8,4	1,3	23.600	23.163	2%	Nâng hạng FTSE
PVS	94	62	156	13%	31%	5.114	10,3	1,2	39.000	35.500	10%	Phát hiện mỏ dầu mới
PVD	133	57	190	7%	-224%	5.563	14,1	1,0	31.050	29.100	7%	Phát hiện mỏ dầu mới
PNJ	73	83	156	28%	31%	5.119	5,8	1,5	67.100	97.553	-31%	Nghị quyết 68
VNM	(169)	(49)	(217)	28%	1%	20.900	12,0	3,4	59.000	60.300	-2%	Nâng hạng FTSE
MSN	(199)	(1)	(200)	18%	18%	14.459	20,7	2,2	72.000	76.800	-6%	Nâng hạng FTSE
MWG	(391)	250	(141)	25%	525%	14.697	13,7	3,1	78.000	87.400	-11%	Nghị quyết 68

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

Mã cổ phiếu	Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần)			ROE	Tăng trưởng LNST TB 4 năm	Vốn điều lệ	Định giá		Hiệu suất so với đầu năm			Câu chuyện
	Dòng tiền nội	Dòng tiền ngoại	Tổng				PE	PB	Giá hiện tại	Giá đầu năm	%	
BSR	(140)	(276)	(416)	21%	192%	50.073	10,8	2,0	26.050	16.250	60%	Nghị quyết 79
IDC	45	(53)	(8)	28%	70%	3.795	8,9	1,9	42.100	36.000	17%	FDI & BĐS Khu công nghiệp
MBB	609	(216)	393	21%	20%	80.550	7,2	1,3	25.000	25.350	-1%	Ngân hàng
ACB	(959)	(44)	(1.002)	17%	14%	51.367	8,4	1,4	22.200	20.694	7%	Nghị quyết 68
VHM	1.641	(1.551)	89	26%	5%	41.074	8,9	2,1	145.300	132.600	10%	Bất động sản
CTD	68	14	82	9%	169%	1.140	9,0	0,8	72.500	71.043	2%	Đầu tư công
GEX	841	(132)	709	11%	78%	13.085	17,2	0,8	30.000	28.272	6%	Nâng hạng FTSE

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**